

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

(Áp dụng từ ngày 24/12/2025)

STT	NỘI DUNG	MỨC PHÍ
I	Nhận tiền từ nước ngoài (áp dụng cho kênh ngân hàng)	
1	Phí báo có	0,05%/ giao dịch TT: 5 USD/GD; TĐ: 100 USD/GD Lưu ý: Phí thu thêm trong trường hợp nhận tiền từ nước ngoài bằng điện Swift cover đối với giao dịch USD: 20 USD (nếu có).
2	Phí hoàn trả lệnh chuyển tiền	10 USD + điện phí + phí trả nước ngoài (nếu có theo thực tế phát sinh). Lưu ý: Đối với ngoại tệ EUR, GBP, JPY thu trước phí trả nước ngoài là 15 USD.
3	Tra soát theo yêu cầu khách hàng	10 USD + điện phí + phí trả nước ngoài(*) (theo thực tế phát sinh) Ghi chú: (*)Phí trả nước ngoài trong trường hợp giao dịch bằng các đồng ngoại tệ EUR, GBP, JPY, thực hiện tạm thu trước Phí trả nước ngoài là 10 USD.
II	Dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài	
1	Phí chuyển tiền quốc tế	
	- Du học, chữa bệnh	0,18%, TT: 5 USD
	- Trợ cấp, công tác du lịch, thăm viếng	0,18%, TT: 10 USD
	- Định cư - Thừa kế, thu nhập hợp pháp - Mục đích khác	0,2%, TT: 10 USD, TĐ: 1.000 USD
	- Giao dịch vốn	0,25%, TT: 10 USD

STT	NỘI DUNG	MỨC PHÍ
II	Dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài	
2	Phí NH nước ngoài	
2.1	Phí NH nước ngoài - OUR guarantee (người chuyển tiền trả phí ngân hàng khác trọn gói một lần khi chuyển)	
	- Giao dịch bằng SGD	30 USD
	- Giao dịch bằng ngoại tệ khác	Không áp dụng
2.2	Phí NH nước ngoài - OUR không guarantee (người chuyển tiền/người nhận tiền phải trả thêm phí từ ngân hàng khác, nếu có phát sinh thêm)	
	- Giao dịch bằng AUD	30 AUD
	- Giao dịch bằng EUR, JPY, GBP	0.2% (TT: 10 USD; TĐ: 200 USD) + phí trả nước ngoài (theo thực tế phát sinh).
	- Giao dịch bằng ngoại tệ khác	30 USD
2.3	Lưu ý: Ngoài dịch vụ phí OUR, khách hàng mong muốn người thụ hưởng nhận đủ số tiền chuyển, Khách hàng thể hiện thông tin phí trên LCT là SHARE/BEN và chuyển thêm tối đa 100USD/LCT (hoặc ngoại tệ khác được quy đổi tương đương) để bù đắp các khoản phí do các Ngân hàng trung gian, Ngân hàng thụ hưởng thu.	
3	Phí tư vấn hồ sơ (áp dụng cho các hồ sơ chưa thỏa quy định nghiệp vụ)	10 USD/hồ sơ
4	Điện phí	Điện chuyển tiền: 7 USD Điện khác: 10 USD

STT	NỘI DUNG	MỨC PHÍ										
II	Dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài											
5	Phí tra soát, tu chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền	10 USD + Điện phí + Phí trả nước ngoài (*) (theo thực tế phát sinh) Ghi chú: (*) Phí trả nước ngoài trong trường hợp giao dịch bằng các đồng ngoại tệ dưới đây, thực hiện tạm thu trước Phí trả nước ngoài như sau: <table><tr><th>Ngoại tệ</th><th>Phí thu thêm</th></tr><tr><td>EUR, GBP, JPY</td><td>10 USD</td></tr><tr><td>AUD</td><td>Tu chỉnh/ Hủy lệnh: 35 AUD Tra soát < 6 tháng: Miễn phí Tra soát ≥ 6 tháng: 60 AUD</td></tr><tr><td>SGD</td><td>20 SGD</td></tr><tr><td>CAD</td><td>Tra soát < 3 tháng: Miễn phí Tra soát từ 3 đến 12 tháng: 50 CAD Tra soát > 12 tháng: 75 CAD</td></tr></table>	Ngoại tệ	Phí thu thêm	EUR, GBP, JPY	10 USD	AUD	Tu chỉnh/ Hủy lệnh: 35 AUD Tra soát < 6 tháng: Miễn phí Tra soát ≥ 6 tháng: 60 AUD	SGD	20 SGD	CAD	Tra soát < 3 tháng: Miễn phí Tra soát từ 3 đến 12 tháng: 50 CAD Tra soát > 12 tháng: 75 CAD
Ngoại tệ	Phí thu thêm											
EUR, GBP, JPY	10 USD											
AUD	Tu chỉnh/ Hủy lệnh: 35 AUD Tra soát < 6 tháng: Miễn phí Tra soát ≥ 6 tháng: 60 AUD											
SGD	20 SGD											
CAD	Tra soát < 3 tháng: Miễn phí Tra soát từ 3 đến 12 tháng: 50 CAD Tra soát > 12 tháng: 75 CAD											
6	Phí tra soát của NH nước ngoài	Theo thực tế phát sinh của NH nước ngoài. Phí tra soát từ phía HAB BANK đối với giao dịch đồng USD: 25 USD.										
III	Phí thanh toán quốc tế dành cho ngân hàng đại lý & người thụ hưởng/người chuyển tiền nước ngoài											
1	Chuyển tiền đi nước ngoài (trường hợp khách hàng chọn phí “BEN” trên Lệnh chuyển tiền)	- Phí dịch vụ: 0,25% trên trị giá chuyển (TT: 20 USD) - Điện phí: 20 USD										
2	Chuyển tiền đến từ nước ngoài bằng điện SWIFT: (trường hợp điện nước ngoài thể hiện phí “OUR”):	- Phí dịch vụ: 0,05% trên trị giá báo có (TT: 5 USD, TĐ: 100 USD) hoặc theo mức chi trả của NHNNg - Phí hủy lệnh chuyển tiền: 20 USD										

Lưu ý: Không áp dụng giảm/miễn phí của Ngân hàng nước ngoài thu, điện phí và phí cố định.